

ẢNH HƯỞNG CỦA TÍNH SÔNG NƯỚC ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG TÂY NAM BỘ

✍️ LƯƠNG THỊ HOÀI THANH¹

TÓM TẮT

Do địa hình Tây Nam bộ (TNB) là vùng đồng bằng thấp trũng nên nơi đây có rất nhiều sông rạch, ao hồ. Cũng vì thế, sông nước đã ảnh hưởng nhiều đến đời sống người dân nơi đây, từ việc cư trú, sinh hoạt, ngôn từ, ẩm thực, sản xuất, di lại, giao thương đến đời sống tinh thần. Sống trong khu vực sông rạch chằng chịt, nguồn nước dồi dào, người dân địa phương tìm cách thích nghi, tìm cách sống hài hòa với nó, tìm cách khai thác nó, biến nó thành lợi thế để tồn tại và phát triển. Bài viết thể hiện rõ ảnh hưởng của tính sông nước đến đời sống của người dân miền Tây trong nhiều lĩnh vực, đồng thời nêu lên sự ảnh hưởng đó trong giai đoạn phát triển kinh tế của vùng hiện nay.

Từ khóa: Tính sông nước, thích nghi, hòa hợp, đời sống, vùng Tây Nam bộ.

1. TÍNH SÔNG NƯỚC LÀ GÌ?

Là vùng đất tận cùng phía Nam của Tổ quốc, Tây Nam bộ có 13 tỉnh thành là Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau. Nơi đây có phù sa màu mỡ, trù phú được tạo nên từ 5.000km sông rạch trên cơ sở của hệ thống sông Cửu Long. Với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, hằng năm lại có mùa nước nổi nên đời sống người dân nơi đây từ xa xưa luôn gắn liền với sông nước.

Người dân ở đây chủ yếu là người Việt, bên cạnh đó còn có người Khmer, người Chăm, người Hoa, với điều kiện sinh sống và cư trú gắn liền với sông nước đã hình thành nên tính sông nước, một tính cách văn hóa đặc trưng của người dân vùng TNB.

Vậy tính sông nước là gì? Theo Trần Ngọc Thêm thì: "Tính sông nước - hay nói đầy đủ hơn là "tính hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước" - là một đặc trưng tính cách văn hóa xuất hiện ở những vùng văn hóa có mạng lưới sông nước dày đặc chi phối toàn bộ đời sống vật chất và tinh

thần của con người và con người thì biết khai thác tối đa lợi thế của thiên nhiên sông nước trong khi chỉ đối phó với nó ở mức tối thiểu và đối phó mà không xung đột với nó." [5, tr.649]. Với thiên nhiên sông nước, người dân nơi đây cũng tìm cách đối phó để tồn tại. Tuy nhiên, sông nước cũng đem đến nhiều thuận lợi cho họ, họ cư trú gắn liền với sông nước; dùng nước để sinh hoạt; lấy sản phẩm từ nước để dùng, để làm thực phẩm; dựa vào nước để di chuyển, giao thương; từ sông nước hình thành những hình thức nghệ thuật đặc trưng của miền Tây như các điệu lý, điệu hò, đờn ca tài tử, các câu ca đối đáp... Họ tìm cách sống hài hòa với thiên nhiên sông nước, biến nó thành lợi thế để tồn tại và phát triển.

Có thể nói, tính sông nước là tính thích nghi của con người với thiên nhiên sông nước, con người sống hòa nhập với thiên nhiên, biết tận dụng thế mạnh, tiềm năng để từng bước cải tạo thiên nhiên, phục vụ cho nhu cầu của mình. Do đó, sông nước là thứ không thể tách rời đối với cuộc sống người dân vùng TNB, nó ăn sâu vào tiềm thức và gắn liền với phong cách sống của con người nơi đây, từ cái ăn, thức uống, nơi ở đến đời sống sinh hoạt tinh thần. Cho nên tính sông nước là "kết tinh của toàn bộ nền văn minh sông nước, văn minh kinh rạch Tây Nam bộ" [5, tr.673].

2. ẢNH HƯỞNG CỦA TÍNH SÔNG NƯỚC ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI DÂN VÙNG TNB

2.1. Cư trú và sinh hoạt

Từ xa xưa, nơi cư trú và sinh hoạt của người dân vùng TNB luôn gắn với sông nước. Họ làm nhà bên cạnh những con sông rạch, lấy sông làm mặt tiền, ruộng nương ở phía sau, hình thành những xóm làng, thị tứ ven sông. Theo Trần Ngọc Thêm thì "Hình thức cư trú như vậy là một sự thích nghi hữu hiệu với môi trường thiên nhiên sông nước, chằng chịt kênh rạch" [5, tr.655]. Họ tận dụng

1. Trường đại học Y Dược Cần Thơ

những vật dụng có sẵn trong tự nhiên để dựng nhà cửa, chẳng hạn họ dùng lá cây dừa nước, lá dừa xiêm dùng để lợp mái nhà, làm vách nhà; còn cây tràm làm cột, làm cửa,... Ở trong ngôi nhà lá như vậy vừa mát mẻ, vừa thoải mái lại ít tốn kém, mô hình nhà lá phổ biến ở hầu hết các tỉnh miền Tây. Mặc dù hiện nay người dân nơi đây đã xây dựng nhà kiên cố hơn nhưng nhiều quán ăn, nhà hàng vẫn dùng lá dừa để lợp mái và thưng vách, vừa gợi lại không gian xưa, vừa mát mẻ rất thu hút khách.

Trước cửa nhà, người dân quê thường bắc cầu cây dưới bến sông. Tại đây, người ta có thể rửa chân tay sau mỗi buổi đi làm đồng về, mọi việc sinh hoạt như tắm rửa, giặt giũ đều diễn ra nơi chiếc cầu này. Có nhà còn làm cả phòng tắm bằng lá dừa kế bên cây cầu để tiện cho việc múc nước tắm nếu không muốn tắm sông hoặc không biết bơi. Ngày nay, đi về vùng quê thỉnh thoảng chúng ta chỉ còn thấy những cây cầu bắc ra ngoài sông để ghé xuống, ghe cho người và máy nông nghiệp lên xuống được dễ dàng hơn.

Bên cạnh đó, có những gia đình sống du mục trên những chiếc ghe, họ di chuyển đến những nơi có mùa vụ để làm thuê, hoặc đem đồ theo để trao đổi, buôn bán; sinh hoạt của họ hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nước sông; họ đi theo đoàn và rất đoàn kết, hỗ trợ nhau. Nhất là khi lúa đã vàng cả cánh đồng, từng đoàn ghe cắt lúa khắp nơi đổ về vùng lúa chín, họ đậu ghe cạnh nhau và dựng lán trên bờ sông để ở, để cất lúa thuê, họ cắt rất chuyên nghiệp và rất nhanh, giá lại bình dân, hết vụ họ lại dời đi, người dân nơi đây rất mong họ quay lại mỗi khi thu hoạch. Ngày nay, với sự ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, cả vùng đồng bằng sông Cửu Long rất ít khi cắt lúa bằng tay, nên nghề cắt lúa thuê của những cư dân sống trên ghe cũng không còn nữa. Nhưng một số nghề sống trên sông vẫn còn phù hợp để tồn tại như nghề nuôi cá bè, vận chuyển đường sông, buôn bán ở các chợ nổi, bán lẻ trên sông.

Được thiên nhiên ưu đãi với hệ thống sông ngòi dày đặc, người dân đồng bằng sông Cửu Long thoải mái trong việc sử dụng nước để sinh hoạt. Ban đầu người ta dùng nước sông trong mọi sinh hoạt hàng ngày, họ còn đào ao cạnh nhà để trữ nước khi mùa khô hạn đến và để nuôi cá. Chỉ có những vùng gần biển, hay những xóm ven biển miệt Bạc Liêu, Cà Mau hoặc ở vùng Thất Sơn, Bảy Núi hay Hà Tiên một số gia đình mới phải đào giếng, hoặc phải đổi nước ngọt. Ngày nay, vì nguồn nước ô nhiễm, nhiều người dân chuyển sang dùng nước máy, ở vùng nông thôn nhiều nhà khoan giếng để xài, hoặc hứng nước mưa trữ lại

để dùng trong năm. Tuy nhiên, về quê chúng ta thấy vẫn còn hộ gia đình còn dùng nước sông để sinh hoạt, đa số họ ở những nơi nguồn nước trong, ít ô nhiễm hơn.

Người dân vùng TNB nắm vững quy luật con nước để điều chỉnh mọi hoạt động sản xuất và sinh hoạt phù hợp với biến động của con nước. Chẳng hạn khi nước lớn, nước ròng, người ta tính chuyện gieo trồng cho phù hợp; hoặc nắm quy luật triều cường lên xuống để di chuyển cho thuận tiện, dễ dàng hơn.

Chiều chiều con nước lên cao

Thuyền anh cập bến, cấm sào thăm em

Cuộc sống ven sông và sinh hoạt dựa trên sông nước là nét đặc trưng của người dân vùng TNB, chính vì nhiều sông ngòi, kênh rạch nên ở đây có rất nhiều cây cầu bắc ngang sông, hồi còn đi bộ thì cầu khỉ là phổ biến nhất, nếu sông lớn thì có những chuyến đò ngang. Người dân dùng cây tre, cây tràm bắc từng đoạn qua sông để đi lại, mỗi cây cầu thường có 3 đoạn, mỗi đoạn đều có tay vịn để giữ cân bằng và an toàn cho người qua sông. Ngày nay, với việc đô thị hóa nông thôn và chính sách xây dựng nông thôn mới thì nhiều cây cầu được bê tông hóa để xe cộ qua lại dễ dàng hơn. Tuy vậy, hình ảnh cây cầu khỉ vẫn là nét đẹp trong văn hóa miền TNB.

2.2. Ngôn từ

Cuộc sống gắn bó với sông nước đã hình thành một hệ thống ngôn từ đặc trưng ở miền Tây. Là vùng nước nhiều sông rạch, ao hồ nên khi sử dụng ngôn từ người dân nơi đây cũng có những từ ngữ liên quan như: rạch, xẻo, con lươn, bùng binh, tắt, rông vàm, lung, lảng, bùng, bầu, cù lao, cồn, giồng,...; nước lớn, nước ròng, nước rong, nước nổi, nước kém, nước đứng, nước nhúng,...; ghe, tam bản, xuống, vỏ lãi, tắc ráng,... Những từ ngữ này không chỉ đi vào lời ăn tiếng nói hàng ngày, nó còn tạo nên tên địa danh hay tên những cây cầu ở miền Tây. Chúng ta hay thấy người Nam bộ dùng hình tượng cá sặc rần để nói về người hớt tóc mới ra nghề (chưa rành nghề nên hớt cái đầu như cá sặc rần). Họ dùng hình tượng nước lớn ròng để nói đến những giai đoạn thăng trầm của cuộc đời mỗi con người; hình tượng cây lục bình để nói đến cuộc sống trôi nổi của con người... Trong cách nói chuyện hàng ngày, người miền Tây cũng hay dùng hình ảnh liên quan đến sông nước để diễn đạt hàm ý của mình. Như câu:

Nước chảy liu riu, lục bình trôi liú riu

Anh thấy em nhỏ xíu anh thương

Hay

Cần Thơ gạo trắng nước trong

Ai đi đến đó lòng không muốn về

Trong những mối quan hệ nhất định với một yếu tố thiên nhiên khác, sông nước biểu đạt những ý niệm về các mối quan hệ tương quan nhiều mặt:

Chim buồn tình, chim bay về núi

Cá buồn tình, cá lội xuống sông

Anh buồn tình, anh dạo chốn non bồng

*Đạo miền sơn nước, xuống chốn ruộng đồng
mới gặp em.*

Bên cạnh đó, với hệ thống sông ngòi, kinh rạch chằng chịt và tập quán sống gắn bó, tận dụng những nguồn lợi của sông nước chính là cơ sở quan trọng để hình thành nên tính cách người dân ở vùng TNB, đó là cách không bon chen, ganh đua, ưa thích sự hài hòa, vừa đủ, tính bao dung, thiết thực và thoáng mở.

2.3. Ẩm thực

Do nhiều sông rạch nên nguồn lợi thủy sản ở Nam bộ rất dồi dào, từ đó các món ăn của họ cũng rất phong phú, đa dạng. Họ có thể dễ dàng đánh bắt các loại thủy sản làm thức ăn như cá, tôm, cua, nghêu, sò, ốc, hến,... Từ các nguyên liệu trên, người ta lại có nhiều cách chế biến khác nhau như luộc, kho, chiên, nướng, hấp, nấu chua, nấu ngọt, làm gỏi, làm chả, làm khô, làm mắm,... để tạo ra nhiều món ăn độc đáo. Ăn kèm với các món đó là những loại rau được người Nam bộ thu hoạch từ sông nước như bông súng, bông điên điển, bông so đũa, bông bần, trái bần, đọt lục bình, rau kèo nèo, lá sen, ngó sen, rau nhút... Nhà văn Sơn Nam đã từng viết: *"Vùng ruộng sạ, nhưng gạo lúa sạ vừa mới gặt nấu cháo trắng ăn với khô cá lóc thì hương vị khó mà quên được. Nắng hạn, rủ vài người bạn ra giữa đồng đem theo cái quạt, một gói muối hạt vài trái ớt rồi đến vũng nước khô cạn nào đó mà bắt cá lóc thứ to con, đốt gốc rạ và rơm nướng trui, chấm muối ớt, nhai thêm vài ngọn lá nghệ bên ao"* [3, tr.11]. Những món ăn đậm chất dân dã như cá lóc nướng trui, bông súng chấm mắm kho, chuột đồng xào sả ớt, cá lóc hấp bầu, lẩu mắm, bún mắm, bún nước lèo, mắm bò hóc, canh chua trái giác, cá sặc kho khô, khô cá sặc, khô cá lóc một nắng, canh chua cá kèo,... nếu bạn thưởng thức một lần thì khó mà quên được vị thơm ngon đặc biệt của nó.

Có thể nói, mắm là một món ăn rất đặc biệt ở miền Tây. Họ có thể làm rất nhiều loại mắm khác nhau như: mắm cá lóc, mắm cá sặc, mắm cá linh, mắm tôm chua, mắm rươi, mắm còng, mắm ba khía, mắm ruốc, mắm nêm... Cách chế biến cũng rất đa dạng và đặc sắc: mắm sống, mắm kho, mắm chưng, lẩu mắm, bún mắm... Chính vì thế mà ca dao có câu:

Mặn mà lẩu mắm cá linh

*Bông súng, điên điển chấm vào quên no
Hay*

Muốn ăn bông súng mắm kho

Thì về Đồng Tháp ăn cho đã thèm

Ngoài ra, vùng TNB còn có nhiều đặc sản sông nước khác như ếch, rùa, rắn, lươn, vịt chạy đồng... Việc chế biến cũng đa dạng không kém, người ta có thể làm món ếch xào sả ớt, rắn hầm sả, lẩu lươn, vịt nấu cà ri, vịt nấu chao, hột vịt kho tàu,... Ở Nam bộ, vịt được ưa chuộng hơn hẳn so với gà, vì vịt là loại gia cầm thích hợp với môi trường sông nước, dễ nuôi, thịt lại ngọt, mềm dễ ăn, đi làm đồng về có nồi vịt nấu cà ri thì quả là tuyệt hảo.

Từ nguồn thủy sản, người dân vùng TNB đã chế tạo ra những món ăn rất phong phú và đặc trưng riêng, vừa thể hiện sự thích nghi với môi trường sông nước, vừa tạo nên phong cách ẩm thực rất độc đáo của người dân nơi đây.

2.4. Sản xuất

Người dân TNB có rất nhiều ngành nghề gắn với sông nước. Truyền thống nhất là nghề trồng lúa nước. Với sự bồi đắp phù sa của các dòng chảy từ các nhánh của sông Mê Kông, cùng với hệ thống kênh rạch chằng chịt, đặc biệt có mùa nước lớn nên ruộng đồng nơi đây rất màu mỡ. Mỗi năm người dân làm 2 đến 3 vụ, trong đó vụ Đông Xuân là trứng nhất, có khi sản lượng đạt hơn 6 tấn/1ha. Sau mỗi mùa vụ, người chủ đất còn cho những người nuôi vịt chạy đồng thuê ruộng, những đàn vịt hàng ngàn con của nông dân các vùng lân cận theo các sông rạch di chuyển đến. Sau khi thỏa thuận giá cả, hợp đồng miệng xong là đàn vịt tha hồ tràn vào ăn lúa mót, không chỉ có lúa, còn những cá, cua, ốc, dế, tép,... Có lẽ lượng mồi dồi dào như vậy nên vịt lớn nhanh, mập tròn và dễ sai trứng. Khi ruộng hết mồi thì chủ vịt lại tìm sang đồng khác, bầy vịt cùng người nuôi lênh đênh rày đây mai đó, làm quen với những cánh đồng xa gần, tuy vất vả nhưng cũng đem lại nguồn lợi kinh tế đáng kể cho người nuôi.

Bên cạnh đó, người dân Nam bộ còn đánh bắt thủy hải sản, chăn nuôi thủy cầm và thủy hải sản, trồng rừng ngập mặn. Về An Giang, chúng ta rất dễ thấy nhiều nhà nuôi cá bè dọc bên sông Hậu, sản phẩm cá ba sa Việt Nam không chỉ tiêu thụ trong nước mà còn xuất đi nhiều nước trên thế giới. Về các tỉnh ven biển như Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Kiên Giang... người dân có điều kiện thuận lợi cho việc nuôi thủy hải sản, sản phẩm tôm, cua Việt Nam xuất đi quốc tế có sản phẩm đặc sản của miền Tây.

Tây Nam bộ đặc biệt có mùa nước nổi, mỗi năm tầm tháng 9, tháng 10 thì các cánh đồng nơi đây hầu như bị ngập, có khi ngập cả đường, cả sân, thậm chí ngập cả trong nhà. Người dân nơi đây cũng phải đối phó với việc nước dâng cao. Tuy nhiên, họ cũng vui mừng vì nước lớn. Họ thả lưới, giăng câu, thả dền, cất vó để bắt cá, bắt tôm cua. Cá tôm mùa này rất nhiều, chúng theo dòng Mê Kông đổ về cùng với thức ăn từ đồng ruộng, lúa gạo bị ngập nên rất béo, thịt rất mềm và thơm ngon. Đặc biệt là cá linh, cá linh theo con nước đến, một năm chỉ xuất hiện vào mùa nước lớn, chúng được người dân đánh bắt về ăn hoặc làm mắm. Món lẩu cá linh, bông điên điển là đặc sản của mùa nước nổi nơi đây.

Miền Tây còn nổi tiếng với vườn miệt vườn. Nhờ lợi thế phù sa màu mỡ, nguồn nước tưới dồi dào, khí hậu phù hợp nên ngoài trồng lúa, người dân nơi đây cũng phải đối phó với việc nước dâng cao còn trồng rất nhiều loại cây ăn trái. Những loại trái cây nhiệt đới như chôm chôm, nhãn, dâu, sầu riêng, măng cụt, xoài, cam, quýt, ổi,... được trồng phổ biến nơi đây. Mỗi khi đến vụ thì trái cây tươi ngon được bày bán đầy trong các chợ, dọc hai bên đường, trên các ghe xuồng, đầu đàu cũng thấy trái cây tươi rói. Ở đây, nghề làm vườn còn được khai thác làm du lịch, hình thành những khu du lịch sinh thái miệt vườn rất thu hút khách gần xa.

2.5. Giao thông

Với đặc tính lắm sông nhiều rạch, đi lại, vận chuyển của người dân vùng TNB cũng gắn liền với sông nước. Từ xưa, đi lại trên kênh rạch là hình thức di chuyển phổ biến nhất, họ có thể dùng xuồng, ghe, tắc ráng, vó lãi, tàu, bè, bắc (phà), cộ... để di chuyển. Nhà nào hầu như cũng có xuồng ghe riêng, nhất là vào mùa nước nổi, đường sá, cánh đồng bị ngập băng thì xuồng bè là hình thức di chuyển duy nhất. Trên những cánh đồng ngập nước, có rất nhiều người đi lại bằng xuồng, bằng dò ngang; từng đoàn học sinh áo trắng phau ngời trên những chiếc xuồng ba lá, người thì bẻ lái phía sau, người thì chèo phía trước, các xuồng nối đuôi nhau tạo nên khung cảnh vô cùng đẹp đẽ và nên thơ của vùng đồng bằng sông nước.

Với vùng sông nước miền Tây thì giao thông đường thủy rất thông dụng và thuận lợi. Ghe xuồng là “đôi chân” của người dân, chúng rất thuận tiện, có thể chở người, có thể chở hàng hóa từ nơi này đến nơi khác một cách dễ dàng. Người dân ở đây hầu như ai cũng biết chèo xuồng và biết bơi. Bên cạnh đó, xuồng ghe còn là phương tiện mưu sinh và phương tiện cư trú của một số lớn cư dân

làm nghề dò ngang, dò dọc, buôn bán và nuôi cá trên sông. Đi gần là vậy, nếu muốn đi xa hơn như lên tỉnh, lên huyện hoặc đến những nơi xa xôi hẻo lánh thì có dò dọc, có tàu chở khách. Người dân ở xa chợ, không thể chèo xuồng hoặc chạy vó máy đi thì họ đi những chuyến dò dọc. Từ tờ mờ sáng, khi mặt sông còn dày đặc sương giăng đã có những chuyến dò dọc nhộn nhịp chạy trên sông. Họ cũng phân theo tuyến và đến các chợ khác nhau theo nhu cầu của người dân. Mỗi tàu có còi báo hiệu để người dân chuẩn bị ra bờ sông đón. Đi chợ bằng dò, người dân còn mang theo gà, vịt để bán lấy tiền vô chợ mua nhu yếu phẩm cho gia đình. Tuy chợ xa gần mà thời gian cho mỗi chuyến có thể nhiều hay ít, thông thường thì họ đi từ sáng, họp chợ xong về nhà đã xế chiều. Có thể vì đi bằng dò ngang rất phổ biến nên hiện nay, người Nam bộ đã gọi các chuyến xe khách liên tỉnh, liên vùng là xe dò.

Ngày nay, với sự phát triển của kinh tế, xã hội, vùng TNB đã phát triển nhiều về giao thông đường bộ. Ngay cả những dòng sông lớn cũng có những cây cầu bắc ngang để xe cộ đi lại thuận tiện hơn như cầu Cần Thơ, cầu Mỹ Thuận, cầu Rạch Miễu, cầu Vàm Cống... giao thông đường thủy không còn đóng vai trò quan trọng như trước. Tuy nhiên, ở những vùng sâu, vùng xa người dân vùng TNB vẫn còn chèo ghe, bơi xuồng, đưa dò, chạy vó lãi,... và hình ảnh dòng sông, con dò đã trở thành một hình tượng văn học, một biểu tượng của không gian Nam bộ.

2.6. Giao thương

Ở miền Tây, không lạ gì những ghe xuồng to nhỏ chở đầy những hàng hóa đi lại trên sông rạch. Tới mùa lúa chín, đầy những ghe len lỏi vào tận các vùng quê để mua lúa cho người dân; tới mùa dưa hấu, mùa dâu, mùa chôm chôm, xoài, nhãn... thì có những ghe xuồng chở nặng trái cây tươi ngon đi rao bán khắp các ngã sông. Từ xưa, các trung tâm giao thương lớn của vùng đều được hình thành ven bờ sông rạch, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, trong đó có những cảng thị quan trọng như Mỹ Tho, Ba Vát (Bến Tre), Hà Tiên, Cần Thơ, Long Xuyên, Sa Đéc...

Nét độc đáo nhất của việc giao thương ở đây là các chợ nổi. Chợ nổi hình thành từ rất lâu trước đây, khi ghe xuồng là phương tiện di chuyển và vận tải chủ yếu từ từ hình thành các trung tâm mua bán trên sông. Chợ nổi là nơi mọi hoạt động trao đổi, mua bán đều diễn ra trên sông nước. Ca dao có câu:

*Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Xà No
Anh có thương em thì mua một con dò
Để em qua lại thăm dò ý anh.*

Người mua, người bán đều ngồi trên đò, trên ghe xuồng, họ bán đủ thứ như chợ trên bờ, từ nông sản đến các đồ nhu yếu phẩm, nhưng chủ yếu là các sản phẩm miệt vườn. Miền Tây có nhiều chợ nổi, nhưng nổi tiếng nhất là chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Cái Răng (Cần Thơ), chợ nổi Ngã Bảy (Hậu Giang), chợ nổi Ngã Năm (Sóc Trăng), chợ nổi Sông Trẹm (Cà Mau), chợ nổi Long Xuyên (An Giang)... Tại đó, hàng trăm xuồng ghe tụ họp từ tờ mờ sáng, chở nặng những hàng hóa đến để giao thương. Cũng có thể tìm tại đây các món ăn dân dã mang đậm chất Nam bộ như bánh tét, bánh nếp lá dứa, bánh cam, đậu hũ, bánh phồng, bánh canh ngọt, bánh bột lọc, hủ tiếu, bánh tằm, bánh bò, chè đậu đỏ, cà phê... với giá bình dân mà lạ miệng. Khi đến Cần Thơ đi chợ nổi Cái Răng, có điều đặc biệt là họ có một ký hiệu là ghe họ bán gì thì sẽ treo sản phẩm đó trên một cây sào cắm trước mũi ghe gọi là "cây bẹo". Khách quan từ xa nhìn vào "cây bẹo" để lựa chọn ghe có sản phẩm mà họ cần mua. Nhưng có một thứ mà treo lên "cây bẹo" không phải bán thứ đó mà là bán thứ khác, đó là khi trên "cây bẹo" treo một tấm lá lợp nhà thì nghĩa là người chủ muốn bán chiếc ghe ấy.

Ngày nay, chợ nổi đã trở thành một nét sinh hoạt văn hóa đặc thù của người dân vùng TNB, với sự phát triển của các chợ và các trung tâm thương mại trên bờ, chợ nổi không còn sầm uất như trước. Tuy nhiên, chợ nổi được các chính quyền địa phương giữ gìn và phát huy, trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo của miền Tây sông nước. Tại các chợ nổi, từ sáng sớm đã tập nập tàu ghe, ngoài các ghe xuồng của dân thương hồ, còn có rất nhiều ghe xuồng chở khách du lịch, họ tham quan và trải nghiệm cuộc sống sông nước, mua những nông sản về làm quà, và thưởng thức đặc sản của miền Tây trên sông nước bằng bèo.

2.7. Nghệ thuật

Nghệ thuật vùng TNB cũng có tính hài hòa với thiên nhiên sông nước. Trong điều kiện sinh sống với nhiều sông rạch, với sự mệnh mông của sông nước, đời sống tinh thần của người dân địa

phương cũng rất phong phú. Từ việc di chuyển trên sông nước, dần dần hình thành nhiều loại hình âm nhạc như: hò chèo ghe, hò mái dài, mái cụt, hò sông Hậu, hò Đồng Tháp, các câu ca đối đáp,... Hình thành vô số điệu lí liên quan đến đời sống sông nước như: lý cây bông, lý bông súng, lý con cua,... hay các bản đờn ca tài tử. Đờn ca tài tử Nam bộ là loại hình nghệ thuật rất độc đáo, có khi trữ tình, nhẹ nhàng, ngọt ngào, có khi hào hùng, có lúc cũng rất bi ai, phản ánh những hình tượng thiên nhiên, tâm tư, tình cảm con người, nó là di sản văn hóa đặc biệt của người dân Nam bộ.

Tại các "đô thị sông nước", người dân rất yêu văn nghệ. Khi đi giăng câu trên chiếc xuồng ba lá, họ mang theo chiếc radio để nghe cải lương, nghe các điệu hò, điệu lí; hoặc hẹn năm ba anh trong lúc chờ cá cắn câu thì làm vài xi, mỗi người ngồi trên một chiếc xuồng lênh bênh trên ruộng nước, vừa uống rượu, vừa hát. Tiếng hát vang vẳng xa xa xao lòng người trước quang cảnh của sông nước hữu tình. Một lần đi thuyền trên sông nước miền Tây, cũng vì nửa đêm nghe được tiếng hát vọng lại từ một chiếc thuyền le lói ánh đèn từ xa, làm cho Nguyễn Ánh chạnh lòng nhớ đến bước đường lưu lạc của mình, ông đã đặt tên cho con sông đó là Cẩm Thi giang, tức là con sông của đàn ca hát, lâu ngày người dân đọc trại ra là Cần Thơ và nơi đây chính là trung tâm đô thị của miền Tây sông nước.

3. KẾT LUẬN

Như vậy, tính sông nước hay nói đầy đủ hơn là tính hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước là đặc trưng trong các mặt của đời sống người dân vùng TNB. Từ việc cư trú và sinh hoạt, ngôn từ, ẩm thực, sản xuất đến việc di chuyển, giao thương và nghệ thuật đều gắn liền với sông nước và chịu ảnh hưởng nhiều của sông nước. Người dân nơi đây biết khai thác thế mạnh của sông nước, tận dụng sông nước và đối phó với sông nước để tồn tại và phát triển. Bên cạnh đó, họ còn thay đổi lối sống, phương thức sản xuất để thích ứng với môi trường tự nhiên sông nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Ngọc Lang (1995), *Phương ngữ Nam bộ*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 188 trang.
2. Phan Huy Lê (chủ biên) (2017), *Vùng đất Nam bộ - Quá trình hình thành và phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 760 trang.
3. Sơn Nam (1997), *Cá tính miền Nam*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 150 trang.
4. Trần Ngọc Thêm (chủ biên) (2018), *Văn hóa người dân vùng Tây Nam bộ, tái bản lần thứ 2*, NXB Văn hóa - Văn nghệ TPHCM, 894 trang.
5. Trần Minh Thương (2017), *Đặc điểm văn hóa sông nước miền Tây Nam bộ (Khảo cứu - sưu tầm)*, NXB Mỹ Thuật, Hà Nội, 351 trang.